TỈNH ỦY LAI CHÂU
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*
Số 1784-QĐ/TCT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lai Châu, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năm 2024

Căn cứ Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 998-QĐ/TU ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 của Trường Chính trị tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu năm 2024;

Xét đề nghị của phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học,

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 (*có Kế hoạch chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các khoa, phòng trực thuộc Trường Chính trị tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2,
- Ban Tổ chức các huyện ủy, thành ủy,
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố,
- Trung tâm Chính trị các huyện, thành phố,
- Lãnh đạo nhà trường,
- Lưu VT, phòng QLĐT&NCKH.

HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY LAI CHÂU

Nguyễn Tiến Tăng

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 1784-QĐ/TCT, ngày 02/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Lai Châu)

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
1	Thứ hai 01/01	Cả ngày	Nghỉ Tết dương lịch năm 2024																							
	Thứ ba 02/01	Sáng			IV/2.1	4																				
		Chiều			IV/2.1	4																				
	Thứ tư 03/01	Sáng			IV/2.1	4																				
		Chiều			IV/2.2	4																				
	Thứ năm 04/01	Sáng			IV/2.2	4																				
		Chiều			IV/2.3	4																				
	Thứ sáu 05/01	Sáng			IV/2.3	4																				
		Chiều			IV/2.4	4																				
	Thứ bảy 06/01	Sáng			IV/2.4	4																				
		Chiều			IV/2.5	4																				
	Chủ nhật 07/01	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ hai 08/01	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 09/01	Sáng			IV/2.5	4	I/7.1	4	II/1.1	4																
		Chiều			IV/2.8	4	I/7.1	4	II/1.1	4																
	Thứ tư 10/01	Sáng			IV/2.8	4	I/7.2	4	II/1.1	4																
		Chiều			IV/2.6	4	I/7.2	4	II/1.2	4																
	Thứ năm 11/01	Sáng			IV/2.6	4	I/7.3	4	II/1.2	4	I/1.1	4	III/1.1	4	I/3.12	4										
		Chiều			IV/2.7	4	I/7.3	4	II/1.2	4	I/1.2	4	III/1.1	4	I/3.12	4										
	Thứ sáu 12/01	Sáng			IV/2.7	4	I/7.4	4	II/1.2	4	I/1.3	4	III/1.2	4	I/3.12	4										
		Chiều			IV/2.9	4	I/7.4	4	II/1.3	4	I/1.4	4	III/1.2	4	I/3.13	4										
	Thứ bảy 13/01	Sáng			IV/2.9	4			II/1.3	4	I/1.4	4	III/1.3	4	I/3.13	4										
		Chiều			IV/2.10	4			II/1.4	4	I/1.5	4	III/1.3	4	I/3.13	4										
	Chủ nhật 14/01	Sáng							II/1.4	4	I/1.5	4														
		Chiều							II/1.4	4	I/1.6	4														

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
1	Thứ hai 15/01	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 16/01	Sáng			IV/2.10	4	I/7.5	4	Ôn II/1	4																
		Chiều			IV/2.11	4	I/7.5	4	Họp xét ĐK thi																	
	Thứ tư 17/01	Sáng			IV/2.11	4	I/7.6	4																		
		Chiều			Ôn IV/2	4	I/7.6	4	Thi II/1	4			III/1.4	4												
	Thứ năm 18/01	Sáng			CNL họp lớp		I/7.6	4	III/3.1	4	I/1.6	4	III/1.4	4	I/3.13	4										
		Chiều			Họp xét ĐK thi		I/7.6	4	III/3.1	4	I/1.6	4	III/1.5	4	I/3.13	4										
	Thứ sáu 19/01	Sáng					Ôn I/7	4	III/3.2	4	I/2.7	4	III/1.5	4	I/3.14	4										
		Chiều			Thi IV/2	4	Họp xét ĐK thi		III/3.2	4	I/2.7	4	III/1.6	4	I/3.14	4										
	Thứ bảy 20/01	Sáng									I/2.8	4	III/1.6	4	I/4.15	4										
		Chiều									I/2.8	4			I/4.15	4										
	Chủ nhật 21/01	Sáng									I/2.9	4														
		Chiều									I/2.9	4														
	Thứ hai 22/01	Sáng			Họp xét điều kiện thi TN																					
		Chiều																								
	Thứ ba 23/01	Sáng					Thi I/7	4	III/3.3	4																
		Chiều			Công bố		V/3.1	4	III/3.3	4																
	Thứ tư 24/01	Sáng			LL	4	V/3.1	4	III/3.4	4																
		Chiều			LL	4	V/3.2	4	III/3.4	4																
	Thứ năm 25/01	Sáng			XDD	4	V/3.2	4	III/3.5	4	I/2.10	4	III/1.7	4	I/4.16	4										
		Chiều			XDD	4	V/3.3	4	III/3.5	4	I/2.10	4	III/1.7	4	I/4.16	4										
	Thứ sáu 26/01	Sáng			NN	4	V/3.3	4	III/3.6	4	I/2.11	4	III/1.8	4	I/4.17	4										
		Chiều			NN	4	V/3.4	4	III/3.6	4	I/2.11	4	III/1.8	4	I/4.17	4										
	Thứ bảy 27/01	Sáng					V/3.4	4	Ôn III/3	4	Ôn I/12	4	III/1.9	4	Ôn I/34	4										
		Chiều					V/3.5	4					III/1.9	4												
	Chủ nhật 28/01	Sáng					V/3.5	4					Ôn III/1	4												
		Chiều					Ôn V/3	4	Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi											
	Thứ hai 29/01	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 30/01	Sáng					Họp xét ĐK thi		Thi III/3	4																
		Chiều																								
	Thứ tư 31/01	Sáng					Thi V/3	4			Thi I/1.5	4														
		Chiều																								
2	Thứ năm 01/02	Sáng											Thi III/1	4												
		Chiều											CNL họp lớp		Thi I/1.4	4										

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																							
				K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
				(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
				KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
				(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
2	Từ ngày 02/02/2024 đến ngày 07/02/2024		Các lớp học nghỉ																								
	Từ ngày 08/02/2024 đến ngày 15/02/2024		Nghỉ tết Âm lịch năm 2024																								
	Từ ngày 16/02/2024 đến ngày 25/02/2024		Các lớp học nghỉ																								
	Thứ hai 26/02	Sáng																									
		Chiều																									
	Thứ ba 27/02	Sáng					III/1.1	4	II/2.1	4																	
		Chiều					III/1.1	4	II/2.1	4																	
	Thứ tư 28/02	Sáng					III/1.2	4	II/2.1	4																	
		Chiều					III/1.2	4	II/2.2	4																	
	Thứ năm 29/02	Sáng			Khai mạc		III/1.3	4	II/2.2	4	I/3.12	4	III/2.1	4	I/5.18	4											
		Chiều			Thi tốt nghiệp		III/1.3	4	II/2.2	4	I/3.12	4	III/2.1	4	I/5.18	4											
3	Thứ sáu 01/3	Sáng			Thi tốt nghiệp		III/1.4	4	II/2.3	4	I/3.12	4	III/2.1	4	I/5.18	4											
		Chiều			Thi tốt nghiệp		III/1.4	4	II/2.3	4	I/3.13	4	III/2.1	4	I/5.19	4											
	Thứ bảy 02/3	Sáng									I/3.13	4	III/2.2	4	I/5.19	4											
		Chiều									I/3.13	4	III/2.2	4	I/5.20	4											
	Chủ nhật 03/3	Sáng									I/3.13	4	III/2.2	4													
		Chiều									I/3.13	4															
	Thứ hai 04/3	Sáng																									
		Chiều																									
	Thứ ba 05/3	Sáng			Chấm KLTN		III/1.5	4	II/2.3	4																	
		Chiều					III/1.5	4	II/2.4	4																	
	Thứ tư 06/3	Sáng			Chấm thi TN		III/1.6	4	II/2.4	4																	
		Chiều					III/1.6	4	II/2.5	4																	
	Thứ năm 07/3	Sáng					III/1.7	4	II/2.5	4	I/3.14	4	III/2.3	4	I/5.20	4											
		Chiều			Họp tổng kết lớp		III/1.7	4	II/2.6	4	I/3.14	4	III/2.3	4	I/5.20	4											
	Thứ sáu 08/3	Sáng					III/1.8	4	II/2.6	4	I/4.15	4	III/2.3	4	I/5.21	4											
		Chiều			Họp xét TN		III/1.8	4	II/2.7	4	I/4.15	4	III/2.3	4	I/5.21	4											
	Thứ bảy 09/3	Sáng					III/1.9	4			I/4.16	4	III/2.4	4	I/6.22	4											
		Chiều					III/1.9	4			I/4.16	4	III/2.4	4	I/6.22	4											
	Chủ nhật 10/3	Sáng					Ôn III.1	4			I/4.17	4	III/2.4	4													
		Chiều					Họp xét TN				I/4.17	4	Ôn III/2	4													

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
3	Thứ hai 11/3	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 12/3	Sáng	KG: Lớp 164 (Sìn Hồ)				Thi III/1	4	II/2.7	4	Ôn I/34	4	Họp xét ĐK thi													
		Chiều					III/2.1	4	II/2.7	4	CNL họp lớp															
	Thứ tư 13/3	Sáng					III/2.1	4	II/2.8	4	Họp xét ĐK thi															
		Chiều					III/2.1	4	II/2.8	4	Thi I/3,4	4														
	Thứ năm 14/3	Sáng					III/2.1	4	II/2.8	4	I/5.18	4	Thi III/2	4	I/6.23	4										
		Chiều			Bế giảng		III/2.2	4	II/2.9	4	I/5.18	4	III/3.1	4	I/6.23	4										
	Thứ sáu 15/3	Sáng					III/2.2	4	II/2.9	4	I/5.18	4	III/3.1	4	I/6.24	4										
		Chiều					III/2.2	4	II/2.9	4	I/5.19	4	III/3.2	4	I/6.24	4										
	Thứ bảy 16/3	Sáng									I/5.19	4	III/3.2	4	Ôn I/56	4										
		Chiều									I/5.20	4	III/3.3	4	CNL họp lớp											
	Chủ nhật 17/3	Sáng									I/5.20	4			Họp xét ĐK thi											
		Chiều									I/5.20	4														
	Thứ hai 18/3	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 19/3	Sáng	KG: Lớp 164 (Phong Thổ) Lớp 1				III/2.3	4	II/2.10	4																
		Chiều					III/2.3	4	II/2.11	4							KG									
	Thứ tư 20/3	Sáng					III/2.3	4	II/2.12	4							II/1.1	4								
		Chiều					III/2.3	4	Ôn II/2	4	I/5.21	4					II/1.1	4								
	Thứ năm 21/3	Sáng					III/2.4	4	Họp xét ĐK thi		I/5.21	4	III/3.3	4	Thi I/5,6	4	II/1.1	4								
		Chiều					III/2.4	4			I/6.22	4	III/3.4	4	I/1.1	4	II/1.2	4								
	Thứ sáu 22/3	Sáng					III/2.4	4	Thi II/2		I/6.22	4	III/3.4	4	I/1.2	4	II/1.2	4								
		Chiều					Ôn III/2	4			I/6.23	4	III/3.5	4	I/1.3	4	II/1.2	4								
	Thứ bảy 23/3	Sáng									I/6.23	4	III/3.5	4	I/1.4	4										
		Chiều									I/6.24	4	III/3.6	4	I/1.4	4										
	Chủ nhật 24/3	Sáng					Họp xét ĐK thi				I/6.24	4	III/3.6	4												
		Chiều									Ôn I/56	4	Ôn III/3	4												

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
3	Thứ hai 25/3	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 26/3	Sáng	KG: Lớp 164 (Phong Thổ) Lớp 2				Thi III/2	4	III/1.1	4	Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi				II/1.2	4								
		Chiều					III/3.1	4	III/1.1	4							II/1.3	4								
	Thứ tư 27/3	Sáng					III/3.1	4	III/1.2	4							II/1.3	4								
		Chiều					III/3.2	4	III/1.2	4							II/1.4	4								
	Thứ năm 28/3	Sáng					III/3.2	4	III/1.3	4	Thi I/5.6	4	Thi III/3	4	I/1.5	4	II/1.4	4								
		Chiều					III/3.3	4	III/1.3	4	I/7.1	4	I/1.1	4	I/1.5	4	II/1.4	4								
	Thứ sáu 29/3	Sáng					III/3.3	4	III/1.4	4	I/7.1	4	I/1.2	4	I/1.6	4	Ôn II/1	4								
		Chiều					III/3.4	4	III/1.4	4	I/7.2	4	I/1.3	4	I/1.6	4	Họp xét ĐK thi									
	Thứ bảy 30/3	Sáng									I/7.2	4	I/1.4	4	I/1.6	4										
		Chiều									I/7.3	4	I/1.4	4	I/2.7	4										
	Chủ nhật 31/3	Sáng									I/7.3	4	I/1.5	4												
		Chiều									I/7.4	4	I/1.5	4												
4	Thứ hai 01/4	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 02/4	Sáng	KG: Lớp 164 (Phong Thổ) Lớp 3				III/3.4	4	III/1.5	4							Thi II/1	4								
		Chiều					III/3.5	4	III/1.5	4							II/2.1	4								
	Thứ tư 03/4	Sáng					III/3.5	4	III/1.6	4							II/2.1	4								
		Chiều					III/3.6	4	III/1.6	4							II/2.1	4								
	Thứ năm 04/4	Sáng					III/3.6	4	III/1.7	4	I/7.4	4	I/1.6	4	I/2.7	4	II/2.2	4								
		Chiều					Ôn III/3	4	III/1.7	4	I/7.5	4	I/1.6	4	I/2.8	4	II/2.2	4								
	Thứ sáu 05/4	Sáng	KG: Lớp BD ngạch chuyên viên				CNL họp lớp		III/1.8	4	I/7.5	4	I/1.6	4	I/2.8	4	II/2.2	4								
		Chiều					Họp xét ĐK thi		III/1.8	4	I/7.6	4	I/2.7	4	I/2.9	4	II/2.3	4								
	Thứ bảy 06/4	Sáng									I/7.6	4	I/2.7	4	I/2.9	4										
		Chiều									I/7.6	4	I/2.8	4												
	Chủ nhật 07/4	Sáng									I/7.6	4	I/2.8	4												
		Chiều									Ôn I/7	4														

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
4	Thứ hai 08/4	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 09/4	Sáng	KG: Lớp 164 (Tân Uyên)				Thi III/3	4	III/1.9	4							II/2.3	4								
		Chiều					IV/1.1	4	III/1.9	4	Họp xét ĐK thi						II/2.3	4								
	Thứ tư 10/4	Sáng					IV/1.1	4	Ôn III/1	4							II/2.4	4								
		Chiều					IV/1.2	4	CNL họp lớp								II/2.4	4								
	Thứ năm 11/4	Sáng					IV/1.2	4	Họp xét ĐK thi		Thi I/7	4	I/2.9	4	I/2.10	4	II/2.5	4								
		Chiều					IV/1.3	4	Thi III/1	4	II/1.1	4	I/2.9	4	I/2.10	4	II/2.5	4								
	Thứ sáu 12/4	Sáng					IV/1.3	4	IV/1.1	4	II/1.1	4	I/2.10	4	I/2.11	4	II/2.6	4								
		Chiều					IV/1.4	4	IV/1.1	4	II/1.1	4	I/2.10	4	I/2.11	4	II/2.6	4								
	Thứ bảy 13/4	Sáng									II/1.2	4	I/2.11	4	Ôn I/12	4										
		Chiều									II/1.2	4	I/2.11	4												
	Chủ nhật 14/4	Sáng									II/1.2	4	Ôn I/12	4												
		Chiều									II/1.2	4	Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi											
	Thứ hai 15/4	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 16/4	Sáng					IV/1.4	4	IV/1.2	4							II/2.7	4								
		Chiều					IV/1.5	4	IV/1.2	4							II/2.7	4								
	Thứ tư 17/4	Sáng					IV/1.5	4	IV/1.3	4							II/2.7	4								
		Chiều					IV/1.6	4	IV/1.3	4							II/2.8	4								
	Thứ năm 18/4	Cả ngày	Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương																							
	Thứ sáu 19/4	Sáng					IV/1.6	4	IV/1.4	4	II/1.3	4	Thi I/1.2	4												
		Chiều					IV/1.6	4	IV/1.4	4	II/1.3	4	I/3.12	4	Thi I/1.2	4										
	Thứ bảy 20/4	Sáng									II/1.4	4	I/3.12	4	I/7.1	4										
		Chiều									II/1.4	4	I/3.12	4	I/7.1	4										
	Chủ nhật 21/4	Sáng									II/1.4	4	I/3.13	4	I/7.2	4										
		Chiều									Ôn II/1	4	I/3.13	4	I/7.2	4										

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																							
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
4	Thứ hai 22/4	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 23/4	Sáng					IV/1.7	4	IV/1.5	4	Họp xét ĐK thi						II/2.8	4								
		Chiều					IV/1.7	4	IV/1.5	4							II/2.8	4								
	Thứ tư 24/4	Sáng					IV/1.8	4	IV/1.6	4							II/2.9	4								
		Chiều					IV/1.8	4	IV/1.6	4							II/2.9	4								
	Thứ năm 25/4	Sáng					IV/1.9	4	IV/1.6	4	Th II/1	4	I/3.13	4	I/7.3	4	II/2.9	4								
		Chiều					IV/1.9	4	IV/1.7	4	II/2.1	4	I/3.13	4	I/7.3	4	II/2.10	4								
	Thứ sáu 26/4	Sáng					Ôn IV/1	4	IV/1.7	4	II/2.1	4	I/3.13	4	I/7.4	4	II/2.11	4								
		Chiều							IV/1.8	4	II/2.1	4	I/3.14	4	I/7.4	4	II/2.12	4								
	Thứ bảy 27/4	Sáng									II/2.2	4	I/3.14	4	I/7.5	4	Ôn II/2	4								
		Chiều									II/2.2	4	I/4.15	4	I/7.5	4	CNL họp lớp									
	Chủ nhật 28/4	Sáng					Họp xét ĐK thi				II/2.2	4	I/4.15	4			Họp xét ĐK thi									
		Chiều									II/2.3	4														
	Thứ hai 29/4	Sáng																								
		Chiều																								
4-5	Từ ngày 30/4/2024 đến ngày 01/5/2024		Nghỉ lễ 30/4 - 01/5																							
5	Thứ năm 02/5	Sáng											I/4.16	4	I/7.6	4	Th II/2	4								
		Chiều					Ôn IV/1	4	IV/1.8	4	II/2.3	4	I/4.16	4	I/7.6	4	III/1.1	4								
	Thứ sáu 03/5	Sáng					IV/2.1	4	IV/1.9	4	II/2.3	4	I/4.17	4	I/7.6	4	III/1.1	4								
		Chiều					IV/2.1	4	IV/1.9	4	II/2.4	4	I/4.17	4	I/7.6	4	III/1.2	4								
	Thứ bảy 04/5	Sáng							Ôn IV/1	4	II/2.4	4	Ôn I/34	4	Ôn I/7	4										
		Chiều									II/2.5	4	Họp xét ĐK thi													
	Chủ nhật 05/5	Sáng									II/2.5	4														
		Chiều							Họp xét ĐK thi		II/2.6	4			Họp xét ĐK thi											

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
5	Thứ hai 06/5	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 07/5	Sáng	KG: Lớp BD lãnh đạo cấp phòng				IV/2.1	4	Tại IV/1	4							III/1.2	4								
		Chiều					IV/2.2	4	IV/2.1	4							III/1.3	4	KG							
	Thứ tư 08/5	Sáng					IV/2.2	4	IV/2.1	4							III/1.3	4	I/1.1	4						
		Chiều					IV/2.3	4	IV/2.1	4							III/1.4	4	I/1.2	4						
	Thứ năm 09/5	Sáng					IV/2.3	4	IV/2.2	4	II/2.6	4	Thi I/3	4			III/1.4	4	I/1.3	4						
		Chiều					IV/2.4	4	IV/2.2	4	II/2.7	4	I/5.18	4	Thi I/7	4	III/1.5	4	I/1.4	4						
	Thứ sáu 10/5	Sáng					IV/2.4	4	IV/2.3	4	II/2.7	4	I/5.18	4	II/1.1	4	III/1.5	4	I/1.4	4						
		Chiều					IV/2.5	4	IV/2.3	4	II/2.7	4	I/5.18	4	II/1.1	4	III/1.6	4	I/1.5	4						
	Thứ bảy 11/5	Sáng									II/2.8	4	I/5.19	4	II/1.1	4										
		Chiều									II/2.8	4	I/5.19	4	II/1.2	4										
	Chủ nhật 12/5	Sáng									II/2.8	4	I/5.20	4	II/1.2	4										
		Chiều									II/2.9	4	I/5.20	4												
	Thứ hai 13/5	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 14/5	Sáng	KG: Lớp 164 (Tam Đường)				IV/2.5	4	IV/2.4	4							III/1.6	4	I/1.5	4						
		Chiều					IV/2.6	4	IV/2.4	4							III/1.7	4	I/1.6	4						
	Thứ tư 15/5	Sáng					IV/2.6	4	IV/2.5	4							III/1.7	4	I/1.6	4						
		Chiều					IV/2.7	4	IV/2.5	4							III/1.8	4	I/1.6	4						
	Thứ năm 16/5	Sáng					IV/2.7	4	IV/2.6	4	II/2.9	4	I/5.20	4	II/1.2	4	III/1.8	4	I/2.7	4						
		Chiều					IV/2.8	4	IV/2.6	4	II/2.9	4	I/5.21	4	II/1.2	4	III/1.9	4	I/2.7	4						
	Thứ sáu 17/5	Sáng					IV/2.8	4	IV/2.7	4	II/2.10	4	I/5.21	4	II/1.3	4	III/1.9	4	I/2.8	4						
		Chiều					IV/2.9	4	IV/2.7	4	II/2.11	4	I/6.22	4	II/1.3	4	Ôn III/1	4	I/2.8	4						
	Thứ bảy 18/5	Sáng									II/2.12	4	I/6.22	4	II/1.4	4										
		Chiều									Ôn II/2	4	I/6.23	4	II/1.4	4										
	Chủ nhật 19/5	Sáng									CNL họp lớp		I/6.23	4	II/1.4	4										
		Chiều									Họp xét ĐK thi				Ôn II/1	4	Họp xét ĐK thi									

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																					
				K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
				(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
				KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
				(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
5	Thứ hai 20/5	Sáng																							
		Chiều																							
	Thứ ba 21/5	Sáng	KG: Lớp BD lãnh đạo cấp sở			IV/2.9	4	IV/2.8	4					Họp xét ĐK thi		Thi III/1	4	I/2.9	4						
		Chiều				IV/2.10	4	IV/2.8	4							III/2.1	4	I/2.9	4	KG					
	Thứ tư 22/5	Sáng	KG: Lớp Văn hóa công vụ (Than Uyên)			IV/2.10	4	IV/2.9	4							III/2.1	4	I/2.10	4	I/1.1	4				
		Chiều				IV/2.11	4	IV/2.9	4							III/2.1	4	I/2.10	4	I/1.2	4				
	Thứ năm 23/5	Sáng				IV/2.11	4	IV/2.10	4	Thi II/2	4	I/6.24	4	Thi II/1	4	III/2.1	4	I/2.11	4	I/1.3	4				
		Chiều				Ôn IV/2	4	IV/2.10	4	III/1.1	4	I/6.24	4	II/2.1	4	III/2.2	4	I/2.11	4	I/1.4	4				
	Thứ sáu 24/5	Sáng						IV/2.11	4	III/1.1	4	Ôn I/56	4	II/2.1	4	III/2.2	4	Ôn I/12	4	I/1.4	4				
		Chiều				Họp xét ĐK thi		IV/2.11	4	III/1.2	4	Họp xét ĐK thi		II/2.1	4	III/2.2	4	CNL họp lớp		I/1.5	4				
	Thứ bảy 25/5	Sáng						Ôn IV/2	4	III/1.2	4			II/2.2	4			Họp xét ĐK thi		I/1.5	4				
		Chiều								III/1.3	4			II/2.2	4					I/1.6	4				
	Chủ nhật 26/5	Sáng				Thi IV/2	4	Họp xét ĐK thi		III/1.3	4									I/1.6	4				
		Chiều								III/1.4	4									I/1.6	4				
	Thứ hai 27/5	Sáng																							
		Chiều																							
	Thứ ba 28/5	Sáng				Hướng dẫn										III/2.3	4	Thi I/12	4	I/2.7	4				
		Chiều				Họp đoàn		Thi IV/2	4							III/2.3	4	I/3.12	4	I/2.7	4				
	Thứ tư 29/5	Sáng				NCTT		Hướng dẫn								III/2.3	4	I/3.12	4	I/2.8	4				
		Chiều						Họp đoàn								III/2.3	4	I/3.12	4	I/2.8	4				
	Thứ năm 30/5	Sáng				NCTT		NCTT		III/1.4	4	Thi I/56	4	II/2.2	4	III/2.4	4	I/3.13	4	I/2.9	4				
		Chiều								III/1.5	4	II/2.1	4	II/2.3	4	III/2.4	4	I/3.13	4	I/2.9	4				
	Thứ sáu 31/5	Sáng				NCTT		NCTT		III/1.5	4	II/2.1	4	II/2.3	4	III/2.4	4	I/3.13	4	I/2.10	4				
		Chiều								III/1.6	4	II/2.1	4	II/2.3	4	Ôn III/2	4	I/3.13	4	I/2.10	4				
6	Thứ bảy 01/6	Sáng				NCTT		NCTT		III/1.6	4	II/2.2	4	II/2.4	4					I/2.11	4				
		Chiều								III/1.7	4	II/2.2	4	II/2.4	4					I/2.11	4				
	Chủ nhật 02/6	Sáng				NCTT		NCTT		III/1.7	4	II/2.2	4			Họp xét ĐK thi				Ôn I/12	4				
		Chiều								III/1.8	4									CNL họp lớp					

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																							
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
6	Thứ hai 03/6	Sáng							NCTT																	
		Chiều																								
	Thứ ba 04/6	Sáng					V/1.1	4	CNL họp lớp								Thi III/2	4	I/3.13	4	Họp xét ĐK thi					
		Chiều					V/1.1	4									III/3.1	4	I/3.14	4	Thi I/1,2	4	KG			
	Thứ tư 05/6	Sáng					V/1.2	4									III/3.1	4	I/3.14	4	I/3.12	4	I/1.1	4		
		Chiều					V/1.2	4									III/3.2	4	I/4.15	4	I/3.12	4	I/1.2	4		
	Thứ năm 06/6	Sáng					V/1.3	4			III/1.8	4	II/2.3	4	II/2.5	4	III/3.2	4	I/4.15	4	I/3.12	4	I/1.3	4		
		Chiều					V/1.3	4			III/1.9	4	II/2.3	4	II/2.5	4	III/3.3	4	I/4.16	4	I/3.13	4	I/1.4	4		
	Thứ sáu 07/6	Sáng					V/1.4	4			III/1.9	4	II/2.3	4	II/2.6	4	III/3.3	4	I/4.16	4	I/3.13	4	I/1.4	4		
		Chiều					V/1.4	4	Nộp sổ NCTT		Ôn III/1	4	II/2.4	4	II/2.6	4	III/3.4	4	I/4.17	4	I/3.13	4	I/1.5	4		
	Thứ bảy 08/6	Sáng											II/2.4	4	II/2.7	4	III/3.4	4	I/4.17	4			I/1.5	4		
		Chiều											II/2.5	4	II/2.7	4			Ôn I/34	4			I/1.6	4		
	Chủ nhật 09/6	Sáng									Họp xét ĐK thi		II/2.5	4	II/2.7	4			Họp xét ĐK thi				I/1.6	4		
		Chiều																								
	Thứ hai 10/6	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 11/6	Sáng					V/1.5	4	Họp xét điều kiện thi TN								III/3.5	4	Thi I/3,4	4	I/3.13	4	I/1.6	4		
		Chiều					V/1.5	4									III/3.5	4	I/5.18	4	I/3.13	4	I/2.7	4		
	Thứ tư 12/6	Sáng					Ôn V/1	4									III/3.6	4	I/5.18	4	I/3.14	4	I/2.7	4		
		Chiều							Công bố		Thi III/1	4					III/3.6	4	I/5.18	4	I/3.14	4	I/2.8	4		
	Thứ năm 13/6	Sáng					Họp xét ĐK thi		LL	4	III/3.1	4	II/2.6	4	II/2.8	4	Ôn III/3	4	I/5.19	4	I/4.15	4	I/2.8	4		
		Chiều					CNL họp lớp		LL	4	III/3.1	4	II/2.6	4	II/2.8	4	CNL họp lớp		I/5.19	4	I/4.15	4	I/2.9	4		
	Thứ sáu 14/6	Sáng					Thi V/1	4	XDD	4	III/3.2	4	II/2.7	4	II/2.8	4	Họp xét ĐK thi		I/5.20	4	I/4.16	4	I/2.9	4		
		Chiều					Nộp bài ĐK thi		XDD	4	III/3.2	4	II/2.7	4	II/2.9	4	Thi III/3	4	I/5.20	4	I/4.16	4	I/2.10	4		
	Thứ bảy 15/6	Sáng							NN	4	III/3.3	4	II/2.7	4	II/2.9	4			I/5.20	4			I/2.10	4		
		Chiều							NN	4	III/3.3	4	II/2.8	4	II/2.9	4			I/5.21	4			I/2.11	4		
	Chủ nhật 16/6	Sáng									III/3.4	4	II/2.8	4					I/5.21	4			I/2.11	4		
		Chiều									III/3.4	4	II/2.8	4									Ôn I/12	4		

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																							
				K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
				(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
				KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
				(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
6	Từ ngày 17/6/2024 đến ngày 21/6/2024		Thao giảng cấp khoa																								
	Thứ bảy 22/6	Sáng												II/2.9	4	II/2.10	4										
		Chiều												II/2.9	4	II/2.11	4										
	Chủ nhật 23/6	Sáng					Họp xét điều kiện thi TN							II/2.9	4	II/2.12	4										
		Chiều												II/2.10	4	Ôn II/2	4										
	Thứ hai 24/6	Sáng																									
		Chiều																									
	Thứ ba 25/6	Sáng														Họp xét ĐK thi		Hướng dẫn		I/6.22	4	I/4.17	4	Họp xét ĐK thi			
		Chiều					Công bố											Họp đoàn		I/6.22	4	I/4.17	4	Thi I/1.2	4		
	Thứ tư 26/6	Sáng					LL	4										NCTT		I/6.23	4	Ôn I/34	4	CNL họp lớp			
		Chiều					LL	4												I/6.23	4	Họp xét ĐK thi					
	Thứ năm 27/6	Sáng					XDD	4			III/3.5	4	II/2.11	4	Thi II/2	4		NCTT		I/6.24	4						
		Chiều					XDD	4			III/3.5	4	II/2.12	4	CNL họp lớp					I/6.24	4						
	Thứ sáu 28/6	Sáng					NN	4			III/3.6	4	Ôn II/2	4				NCTT		Ôn I/56	4	Thi I/3.4	4				
		Chiều					NN	4			III/3.6	4	Họp xét ĐK thi							Họp xét ĐK thi							
	Thứ bảy 29/6	Sáng									Ôn III/3	4						NCTT									
		Chiều									Họp xét ĐK thi		Thi II/2														
	Chủ nhật 30/6	Sáng									CNL họp lớp							NCTT		Thi I/5.6	4						
		Chiều									Thi III/3	4															
7	Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 14/7/2024		Nghỉ hè 2024																								
	Thứ hai 15/7	Sáng																									
		Chiều																Nộp bài NCKH									
	Thứ ba 16/7	Sáng							Khai giảng				Hướng dẫn					I/1.1	4	I/7.1	4	I/5.18	4	I/3.12	4		
		Chiều							Thi tốt nghiệp				Họp đoàn					I/1.2	4	I/7.1	4	I/5.18	4	I/3.12	4		
	Thứ tư 17/7	Sáng							Thi tốt nghiệp				NCTT					I/1.3	4	I/7.2	4	I/5.18	4	I/3.12	4		
		Chiều							Thi tốt nghiệp									I/1.4	4	I/7.2	4	I/5.19	4	I/3.13	4		
	Thứ năm 18/7	Sáng									IV/2.1	4	NCTT		III/1.1	4		I/1.4	4	I/7.3	4	I/5.19	4	I/3.13	4		
		Chiều							Chấm KLTN		IV/2.1	4			III/1.1	4		I/1.5	4	I/7.3	4	I/5.20	4	I/3.13	4		
	Thứ sáu 19/7	Sáng							Chấm thi TN		IV/2.1	4	NCTT		III/1.2	4		I/1.5	4	I/7.4	4	I/5.20	4	I/3.13	4		
		Chiều									IV/2.2	4			III/1.2	4		I/1.6	4	I/7.4	4	I/5.20	4	I/3.13	4		
	Thứ bảy 20/7	Sáng									IV/2.2	4	NCTT		III/1.3	4				I/7.5	4			I/3.14	4		
		Chiều									IV/2.3	4			III/1.3	4				I/7.5	4			I/3.14	4		
	Chủ nhật 21/7	Sáng									IV/2.3	4	NCTT											I/4.15	4		
		Chiều									IV/2.4	4												I/4.15	4		

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
7	Thứ hai 22/7	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 23/7	Sáng					Khai mạc		Họp tổng kết lớp								I/1.6	4	I/7.6	4	I/5.21	4				
		Chiều					Thi tốt nghiệp										I/1.6	4	I/7.6	4	I/5.21	4				
	Thứ tư 24/7	Sáng					Thi tốt nghiệp										I/2.7	4	I/7.6	4	I/6.22	4				
		Chiều					Thi tốt nghiệp										I/2.7	4	I/7.6	4	I/6.22	4				
	Thứ năm 25/7	Sáng									IV/2.4	4	IV/1.1	4	III/1.4	4	I/2.8	4	Ôn I/7	4	I/6.23	4	I/4.16	4		
		Chiều					Chấm KLTN				IV/2.5	4	IV/1.1	4	III/1.4	4	I/2.8	4	CNL họp lớp		I/6.23	4	I/4.16	4		
	Thứ sáu 26/7	Sáng					Chấm thi TN				IV/2.5	4	IV/1.2	4	III/1.5	4	I/2.9	4	Họp xét ĐK thi		I/6.24	4	I/4.17	4		
		Chiều							Họp xétTN		IV/2.6	4	IV/1.2	4	III/1.5	4	I/2.9	4	Thi I/	4	I/6.24	4	I/4.17	4		
	Thứ bảy 27/7	Sáng									IV/2.6	4	IV/1.3	4	III/1.6	4					Ôn I/56	4	Ôn I/34	4		
		Chiều									IV/2.7	4	IV/1.3	4	III/1.6	4					CNL họp lớp		Họp xét ĐK thi			
	Chủ nhật 28/7	Sáng									IV/2.7	4	Họp Sơ NCTT								Họp xét ĐK thi					
		Chiều									IV/2.8	4														
	Thứ hai 29/7	Sáng																								
		Chiều																					Thi I/3,4	4		
	Thứ ba 30/7	Sáng					Họp tổng kết lớp										I/2.10	4	Hướng dẫn		Thi I/3,4	4	I/5.18	4		
		Chiều															I/2.10	4	Họp đoàn		I/7.1	4	I/5.18	4		
	Thứ tư 31/7	Sáng															I/2.11	4	NCTT		I/7.1	4	I/5.18	4		
		Chiều															I/2.11	4			I/7.2	4	I/5.19	4		
8	Thứ năm 01/8	Sáng					Họp xét TN				IV/2.8	4	IV/1.4	4	III/1.7	4	Ôn I/12	4	NCTT		I/7.2	4	I/5.19	4		
		Chiều									IV/2.9	4	IV/1.4	4	III/1.7	4	Họp xét ĐK thi				I/7.3	4	I/5.20	4		
	Thứ sáu 02/8	Sáng									IV/2.9	4	IV/1.5	4	III/1.8	4			NCTT		I/7.3	4	I/5.20	4		
		Chiều							Bế giảng		IV/2.10	4	IV/1.5	4	III/1.8	4	Thi I/ 2	4			I/7.4	4	I/5.20	4		
	Thứ bảy 03/8	Sáng									IV/2.10	4	IV/1.6	4	III/1.9	4			NCTT				I/5.21	4		
		Chiều									IV/2.11	4	IV/1.6	4	III/1.9	4										
	Chủ nhật 04/8	Sáng									IV/2.11	4			Ôn III/1	4			NCTT							
		Chiều									Ôn IV/2	4														

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																							
				K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
				(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
				KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
				(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
8	Thứ hai 05/8	Sáng																							
		Chiều																							
	Thứ ba 06/8	Sáng	KG: Lớp BD ngạch chuyên viên chính							Họp xét ĐK thi				Họp xét ĐK thi		I/3.12	4	II/1.1	4	I/7.4	4	I/5.21	4		
		Chiều				Bế giảng										I/3.12	4	II/1.1	4	I/7.5	4	I/6.22	4		
	Thứ tư 07/8	Sáng														I/3.12	4	II/1.1	4	I/7.5	4	I/6.22	4		
		Chiều												Thi II/1	4	I/3.13	4	II/1.2	4	I/7.6	4	I/6.23	4		
	Thứ năm 08/8	Sáng								Thi IV/2	4	IV/1.6	4	Hướng dẫn		I/3.13	4	II/1.2	4	I/7.6	4	I/6.23	4		
		Chiều										IV/1.7	4	Họp đoàn		I/3.13	4	II/1.2	4	I/7.6	4	I/6.24	4		
	Thứ sáu 09/8	Sáng								Hướng dẫn		IV/1.7	4	NCTT		I/3.13	4	II/1.2	4	I/7.6	4	I/6.24	4		
		Chiều								Họp đoàn		IV/1.8	4			I/3.13	4	II/1.3	4	Ôn I/7	4	Ôn I/56	4		
	Thứ bảy 10/8	Sáng								NCTT		IV/1.8	4	NCTT				Nộp bài NCTT				CNL họp lớp			
		Chiều										IV/1.9	4												
	Chủ nhật 11/8	Sáng								NCTT		IV/1.9	4	NCTT						Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi			
		Chiều										Ôn IV/1	4												
	Thứ hai 12/8	Sáng								NCTT				NCTT											
		Chiều																							
	Thứ ba 13/8	Sáng								NCTT				NCTT		I/3.14	4	II/1.3	4						
		Chiều										Họp xét ĐK thi				I/3.14	4	II/1.4	4	Thi I/7	4				
	Thứ tư 14/8	Sáng								NCTT						I/4.15	4	II/1.4	4	Hướng dẫn					
		Chiều														I/4.15	4	II/1.4	4	Họp đoàn					
	Thứ năm 15/8	Sáng										Thi IV/1	4	III/2.1	4	I/4.16	4	Ôn II/1	4	NCTT					
		Chiều										IV/2.1	4	III/2.1	4	I/4.16	4	Họp xét ĐK thi							
	Thứ sáu 16/8	Sáng										IV/2.1	4	III/2.1	4	I/4.17	4			NCTT		Thi I/5.6	4		
		Chiều										IV/2.1	4	III/2.1	4	I/4.17	4	Thi II/2	4			I/7.1	4		
	Thứ bảy 17/8	Sáng										IV/2.2	4	III/2.2	4	Ôn I/34	4			NCTT		I/7.1	4		
		Chiều										IV/2.2	4	III/2.2	4							I/7.2	4		
	Chủ nhật 18/8	Sáng														Họp xét ĐK thi				NCTT		I/7.2	4		
		Chiều																							

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
8	Thứ hai 19/8	Sáng																			NCTT					
		Chiều																								
	Thứ ba 20/8	Sáng									Nộp bài NCTT				Nộp bài NCTT		Thi I/3.4	4	II/2.1	4						
		Chiều															I/5.18	4	II/2.1	4	II/1.1	4				
	Thứ tư 21/8	Sáng															I/5.18	4	II/2.1	4	II/1.1	4				
		Chiều															I/5.18	4	II/2.2	4	II/1.1	4				
	Thứ năm 22/8	Sáng									V/1.1	4	IV/2.3	4	III/2.2	4	I/5.19	4	II/2.2	4	II/1.2	4				
		Chiều									V/1.1	4	IV/2.3	4	III/2.3	4	I/5.19	4	II/2.2	4	II/1.2	4				
	Thứ sáu 23/8	Sáng									V/1.2	4	IV/2.4	4	III/2.3	4	I/5.20	4	II/2.3	4	II/1.2	4	I/7.3	4		
		Chiều									V/1.2	4	IV/2.4	4	III/2.3	4	I/5.20	4	II/2.3	4	II/1.2	4	I/7.3	4		
	Thứ bảy 24/8	Sáng									V/1.3	4	IV/2.5	4	III/2.3	4	I/5.20	4	II/2.3	4	Nộp bài NCTT		I/7.4	4		
		Chiều									V/1.3	4	IV/2.5	4	III/2.4	4	I/5.21	4					I/7.4	4		
	Chủ nhật 25/8	Sáng									V/1.4	4											I/7.5	4		
		Chiều									V/1.4	4														
	Thứ hai 26/8	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 27/8	Sáng															I/5.21	4	II/2.4	4	II/1.3	4				
		Chiều															I/6.22	4	II/2.4	4	II/1.3	4				
	Thứ tư 28/8	Sáng															I/6.22	4	II/2.5	4	II/1.4	4				
		Chiều															I/6.23	4	II/2.5	4	II/1.4	4				
	Thứ năm 29/8	Sáng									V/1.5	4	IV/2.6	4	III/2.4	4	I/6.23	4	II/2.6	4	II/1.4	4				
		Chiều									V/1.5	4	IV/2.6	4	III/2.4	4	I/6.24	4	II/2.6	4	Ôn II/1	4				
	Thứ sáu 30/8	Sáng									Ôn V/1	4	IV/2.7	4	Ôn III/2	4	I/6.24	4	II/2.7	4						
		Chiều											IV/2.7	4	Họp xét ĐK thi		Ôn I/56	4	II/2.7	4	Họp xét ĐK thi					
	Thứ bảy 31/8	Sáng															Họp xét ĐK thi									
		Chiều																								
9	Chủ nhật 01/9	Sáng																								
		Chiều																								

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																							
				K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
				(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
				KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
				(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
9	Từ ngày 02/9/2024 đến ngày 03/9/2024		Nghỉ lễ Quốc khánh 02/9/2024																								
	Thứ tư 04/9	Sáng										Họp xét ĐK thi						Thi I/5.3	4	II/2.7	4	Thi II/1	4				
		Chiều																I/7.1	4	II/2.8	4	II/2.1	4				
	Thứ năm 05/9	Sáng								Thi V/1	4	IV/2.8	4	Thi III/2	4	I/7.1	4	II/2.8	4	II/2.1	4				
		Chiều								CNL họp lớp		IV/2.8	4	III/3.1	4	I/7.2	4	II/2.8	4	II/2.1	4				
	Thứ sáu 06/9	Sáng										IV/2.9	4	III/3.1	4	I/7.2	4	II/2.9	4	II/2.2	4	I/7.5	4		
		Chiều										IV/2.9	4	III/3.2	4	I/7.3	4	II/2.9	4	II/2.2	4	I/7.6	4		
	Thứ bảy 07/9	Sáng										IV/2.10	4	III/3.2	4							I/7.6	4		
		Chiều										IV/2.10	4									I/7.6	4		
	Chủ nhật 08/9	Sáng																				I/7.6	4		
		Chiều																				Ôn I/7	4		
	Thứ hai 09/9	Sáng																							
		Chiều																							
	Thứ ba 10/9	Sáng								Họp xét điều kiện thi TN						I/7.3	4	II/2.9	4	II/2.2	4			KG	
		Chiều														I/7.4	4	II/2.10	4	II/2.3	4	Họp xét ĐK thi		I/1.1	4
	Thứ tư 11/9	Sáng														I/7.4	4	II/2.11	4	II/2.3	4			I/1.2	4
		Chiều														I/7.5	4	II/2.12	4	II/2.3	4			I/1.3	4
	Thứ năm 12/9	Sáng										IV/2.11	4	III/3.3	4	I/7.5	4	Ôn II/2	4	II/2.4	4			I/1.4	4
		Chiều								Công bố		IV/2.11	4	III/3.3	4	I/7.6	4	Họp xét ĐK thi		II/2.4	4			I/1.4	4
	Thứ sáu 13/9	Sáng								LL	4	Ôn IV/2	4	III/3.4	4	I/7.6	4			II/2.5	4	Thi I/7	4	I/1.5	4
		Chiều								LL	4			III/3.4	4	I/7.6	4	Thi II/2		II/2.5	4	III/2.1	4	I/1.5	4
	Thứ bảy 14/9	Sáng								XDD	4			III/3.5	4	I/7.6	4					III/2.1	4	I/1.6	4
		Chiều								XDD	4			III/3.5	4	Ôn I/7	4					III/2.1	4	I/1.6	4
	Chủ nhật 15/9	Sáng								NN	4					CNL họp lớp						III/2.1	4	I/1.6	4
		Chiều								NN	4					Họp xét ĐK thi									

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
	Thứ hai 16/9	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 17/9	Sáng															Thi I/7	4	III/1.1	4	II/2.6	4			I/2.7	4
		Chiều											Họp xét ĐK thi				IV/1.1	4	III/1.1	4	II/2.6	4			I/2.7	4
	Thứ tư 18/9	Sáng															IV/1.1	4	III/1.2	4	II/2.7	4			I/2.8	4
		Chiều															IV/1.2	4	III/1.2	4	II/2.7	4			I/2.8	4
	Thứ năm 19/9	Sáng											Thi IV/2	4	III/3.6	4	IV/1.2	4	III/1.3	4	II/2.7	4			I/2.9	4
		Chiều											V/1.1	4	III/3.6	4	IV/1.3	4	III/1.3	4	II/2.8	4			I/2.9	4
	Thứ sáu 20/9	Sáng											V/1.1	4	Ôn III/3	4	IV/1.3	4	III/1.4	4	II/2.8	4	III/2.2	4	I/2.10	4
		Chiều											V/1.2	4			IV/1.4	4	III/1.4	4	II/2.8	4	III/2.2	4	I/2.10	4
	Thứ bảy 21/9	Sáng											V/1.2	4									III/2.2	4		
		Chiều											V/1.3	4									III/2.3	4		
	Chủ nhật 22/9	Sáng																					III/2.3	4		
		Chiều																								
9	Thứ hai 23/9	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 24/9	Sáng													Họp xét ĐK thi		IV/1.4	4	III/1.5	4	II/2.9	4			I/2.11	4
		Chiều															IV/1.5	4	III/1.5	4	II/2.9	4			I/2.11	4
	Thứ tư 25/9	Sáng															IV/1.5	4	III/1.6	4	II/2.9	4			Ôn I/12	4
		Chiều															IV/1.6	4	III/1.6	4	II/2.10	4			CNL họp lớp	
	Thứ năm 26/9	Sáng											V/1.3	4	Thi III/3	4	IV/1.6	4	III/1.7	4	II/2.11	4			Họp xét ĐK thi	
		Chiều											V/1.4	4	IV/1.1	4	IV/1.6	4	III/1.7	4	II/2.12	4				
	Thứ sáu 27/9	Sáng											V/1.4	4	IV/1.1	4	IV/1.7	4	III/1.8	4	Ôn II/2	4	III/2.3	4	Thi I/1.2	4
		Chiều											V/1.5	4	IV/1.2	4	IV/1.7	4	III/1.8	4	CNL họp lớp		III/2.3	4		
	Thứ bảy 28/9	Sáng											V/1.5	4	IV/1.2	4			III/1.9	4			III/2.4	4		
		Chiều											Ôn V/1	4	IV/1.3	4			III/1.9	4			III/2.4	4		
	Chủ nhật 29/9	Sáng																	Ôn III/1	4			III/2.4	4		
		Chiều											Họp xét ĐK thi						Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi		Ôn III/2	4		

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG	ĐÀO TẠO																					
				K1/2023 (Phong Thổ)	K2/2023 (Mường Tè)	K3/2023 (Tập trung)	K4/2023 (Nậm Nhùn)	K5/2023 (TP Lai Châu)	K6/2023 (TCT)	K1/2024 (Sìn Hồ)	K2/2024 (Than Uyên)	K3/2024 (Phong Thổ)	K4/2024 (Mường Tè)	K5/2024 (TCT)											
				(Hệ tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ không tập trung)	(Hệ không tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ tập trung)	(Hệ không tập trung)	(Hệ tập trung)											
				KG: 28/3/2023	KG: 28/8/2023	KG: 12/9/2023	KG: 25/10/2023	KG: 27/10/2023	KG: 27/10/2023	KG: 19/3/2024	KG: 07/5/2024	KG: 21/5/2024	KG:04/6/2024	KG: 10/9/2024											
				(50 HV)	(50 HV)	(48 HV)	(36 HV)	(35 HV)	(41 HV)	(Dự kiến 50 HV)	(Dự kiến 50 HV)	(Dự kiến 50 HV)	(Dự kiến 80 HV)	(Dự kiến 50 HV)											
9-10	Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 02/10/2024		Thao giảng cấp trường																						
10	Thứ năm 03/10	Sáng											Thi V/1	4	IV/1.3	4	IV/1.8	4	Thi III/1	4						
		Chiều											V/3.1	4	IV/1.4	4	IV/1.8	4	III/2.1	4	Thi II/2		Họp xét ĐK thi			
	Thứ sáu 04/10	Sáng											V/3.1	4	IV/1.4	4	IV/1.9	4	III/2.1	4	III/1.1	4	Thi III/2	4		
		Chiều											V/3.2	4	IV/1.5	4	IV/1.9	4	III/2.1	4	III/1.1	4	IV/1.1	4		
	Thứ bảy 05/10	Sáng											V/3.2	4	IV/1.5	4	Ôn IV/1	4					IV/1.1	4		
		Chiều											V/3.3	4	IV/1.6	4	Họp xét ĐK thi						IV/1.2	4		
	Chủ nhật 06/10	Sáng																					IV/1.2	4		
		Chiều															Thi IV/1	4								
	Thứ hai 07/10	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 08/10	Sáng															IV/2.1	4	III/2.1	4	III/1.2	4			I/3.12	4
		Chiều															IV/2.1	4	III/2.2	4	III/1.2	4			I/3.12	4
	Thứ tư 09/10	Sáng															IV/2.1	4	III/2.2	4	III/1.3	4			I/3.12	4
		Chiều															IV/2.2	4	III/2.2	4	III/1.3	4			I/3.13	4
	Thứ năm 10/10	Sáng								Khai mạc			V/3.3	4	IV/1.6	4	IV/2.2	4	III/2.3	4	III/1.4	4			I/3.13	4
		Chiều								Thi tốt nghiệp			V/3.4	4	IV/1.6	4	IV/2.3	4	III/2.3	4	III/1.4	4			I/3.13	4
	Thứ sáu 11/10	Sáng								Thi tốt nghiệp			V/3.4	4	IV/1.7	4	IV/2.3	4	III/2.3	4	III/1.5	4	IV/1.3	4	I/3.13	4
		Chiều								Thi tốt nghiệp			V/3.5	4	IV/1.7	4	IV/2.4	4	III/2.3	4	III/1.5	4	IV/1.3	4	I/3.13	4
	Thứ bảy 12/10	Sáng											V/3.5	4	IV/1.8	4	IV/2.4	4					IV/1.4	4		
		Chiều											Ôn V/3	4	IV/1.8	4	IV/2.5	4					IV/1.4	4		
	Chủ nhật 13/10	Sáng											Họp xét ĐK thi				IV/2.5	4					IV/1.5	4		
		Chiều															IV/2.6	4					IV/1.5	4		

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
10	Thứ hai 14/10	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 15/10	Sáng									Chấm KLTN						IV/2.6	4	III/2.4	4	III/1.6	4			I/3.14	4
		Chiều															IV/2.7	4	III/2.4	4	III/1.6	4			I/3.14	4
	Thứ tư 16/10	Sáng									Chấm thi TN						IV/2.7	4	III/2.4	4	III/1.7	4			I/4.15	4
		Chiều															IV/2.8	4	Ôn III/2	4	III/1.7	4			I/4.15	4
	Thứ năm 17/10	Sáng											Thi V/3	4	IV/1.9	4	IV/2.8	4	CNL họp lớp		III/1.8	4			I/4.16	4
		Chiều											CNL họp lớp		IV/1.9	4	IV/2.9	4	Họp xét ĐK thi		III/1.8	4			I/4.16	4
	Thứ sáu 18/10	Sáng													Ôn IV/1	4	IV/2.9	4			III/1.9	4	IV/1.6	4	I/4.17	4
		Chiều									Họp tổng kết lớp						IV/2.10	4	Thi III/2	4	III/1.9	4	IV/1.6	4	I/4.17	4
	Thứ bảy 19/10	Sáng															IV/2.10	4			Ôn III/1	4	IV/1.6	4	Ôn I/34	4
		Chiều															IV/2.11	4					IV/1.7	4		
	Chủ nhật 20/10	Sáng															IV/2.11	4			Họp xét ĐK thi		IV/1.7	4		
		Chiều															Ôn IV/2	4								
	Thứ hai 21/10	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 22/10	Sáng											Họp xét điều kiện thi TN		Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi		III/3.1	4	Thi III/1	4			Họp xét ĐK thi	
		Chiều									Họp xét TN						Thi IV/2	4	III/3.1	4	III/2.1	4			Thi I/3.4	4
	Thứ tư 23/10	Sáng															V/1.1	4	III/3.2	4	III/2.1	4			I/5.18	4
		Chiều															V/1.1	4	III/3.2	4	III/2.1	4			I/5.18	4
	Thứ năm 24/10	Sáng													Thi IV/1	4	V/1.2	4	III/3.3	4	III/2.1	4			I/5.18	4
		Chiều											Công bố		V/1.1	4	V/1.2	4	III/3.3	4	III/2.2	4			I/5.19	4
	Thứ sáu 25/10	Sáng											LL	4	V/1.1	4	V/1.3	4	III/3.4	4	III/2.2	4	IV/1.8	4	I/5.19	4
		Chiều											LL	4	V/1.2	4	V/1.3	4	III/3.4	4	III/2.2	4	IV/1.8	4	I/5.20	4
	Thứ bảy 26/10	Sáng											XDD	4	V/1.2	4							IV/1.9	4		
		Chiều											XDD	4	V/1.3	4							IV/1.9	4		
	Chủ nhật 27/10	Sáng											NN	4									Ôn IV/1	4		
		Chiều											NN	4									CNL họp lớp			

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
10	Thứ hai 28/10	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 29/10	Sáng															V/1.4	4	III/3.5	4	III/2.3	4			I/5.20	4
		Chiều															V/1.4	4	III/3.5	4	III/2.3	4			I/5.20	4
	Thứ tư 30/10	Sáng															V/1.5	4	III/3.6	4	III/2.3	4			I/5.21	4
		Chiều															V/1.5	4	III/3.6	4	III/2.3	4			I/5.21	4
	Thứ năm 31/10	Sáng													V/1.3	4	Ôn V/1	4	Ôn III/3	4	III/2.4	4			I/6.22	4
		Chiều									Bế giảng				V/1.4	4	Họp xét ĐK thi		Họp xét ĐK thi		III/2.4	4	Họp xét ĐK thi		I/6.22	4
11	Thứ sáu 01/11	Sáng													V/1.4	4					III/2.4	4	Thi IV/1	4	I/6.23	4
		Chiều													V/1.5	4	Thi V/1	4			Ôn III/2	4	IV/2.1	4	I/6.23	4
	Thứ bảy 02/11	Sáng													V/1.5	4	V/3.1	4					IV/2.1	4		
		Chiều													Ôn V/1	4	V/3.1	4					IV/2.1	4		
	Chủ nhật 03/11	Sáng													Họp xét ĐK thi		V/3.2	4					IV/2.2	4		
		Chiều															V/3.2	4					IV/2.2	4		
	Thứ hai 04/11	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 05/11	Sáng															V/3.3	4	Thi III/3	4	Họp xét ĐK thi				I/6.24	4
		Chiều															V/3.3	4	IV/1.1	4					I/6.24	4
	Thứ tư 06/11	Sáng															V/3.4	4	IV/1.1	4	Ôn III/2	4			Ôn I/56	4
		Chiều															V/3.4	4	IV/1.2	4	III/3.1	4				
	Thứ năm 07/11	Sáng													Thi V/1	4	V/3.5	4	IV/1.2	4	III/3.1	4			Họp xét ĐK thi	
		Chiều													CNL họp lớp		V/3.5	4	IV/1.3	4	III/3.2	4				
	Thứ sáu 08/11	Sáng															Ôn V/3	4	IV/1.3	4	III/3.2	4	IV/2.3	4	Ôn V/5.0	4
		Chiều															Họp xét ĐK thi		IV/1.4	4	III/3.3	4	IV/2.3	4		
	Thứ bảy 09/11	Sáng																	IV/1.4	4			IV/2.4	4		
		Chiều																					IV/2.4	4		
	Chủ nhật 10/11	Sáng															Thi V/3	4					IV/2.5	4		
		Chiều															CNL họp lớp						IV/2.5	4		

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
	Từ ngày 11/11/2024 đến ngày 17/11/2024		Hội thi Học viên học giỏi lý luận chính trị năm 2024																							
	Thứ hai 18/11	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 19/11	Sáng													Họp xét điều kiện thi TN				IV/1.5	4	III/3.3	4			I/7.1	4
		Chiều																	IV/1.5	4	III/3.4	4			I/7.1	4
	Thứ tư 20/11	Sáng															Họp xét điều kiện thi TN		IV/1.6	4	III/3.4	4			I/7.2	4
		Chiều													Công bố				IV/1.6	4	III/3.5	4			I/7.2	4
	Thứ năm 21/11	Sáng											Khai mạc		LL	4			IV/1.6	4	III/3.5	4			I/7.3	4
		Chiều											Thi tốt nghiệp		LL	4	Công bố		IV/1.7	4	III/3.6	4			I/7.3	4
	Thứ sáu 22/11	Sáng											Thi tốt nghiệp		XDD	4	LL	4	IV/1.7	4	III/3.6	4	IV/2.6	4	I/7.4	4
		Chiều											Thi tốt nghiệp		XDD	4	LL	4	IV/1.8	4	Ôn III/3	4	IV/2.6	4	I/7.4	4
	Thứ bảy 23/11	Sáng													NN	4	XDD	4					IV/2.7	4		
		Chiều													NN	4	XDD	4					IV/2.7	4		
11	Chủ nhật 24/11	Sáng															NN	4			Họp xét ĐK thi		IV/2.8	4		
		Chiều															NN	4								
	Thứ hai 25/11	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 26/11	Sáng																	IV/1.8	4	Thi III/3	4			I/7.5	4
		Chiều											Chấm KLTN						IV/1.9	4	IV/1.1	4			I/7.5	4
	Thứ tư 27/11	Sáng											Chấm thi TN						IV/1.9	4	IV/1.1	4			I/7.6	4
		Chiều																	Ôn IV/1	4	IV/1.2	4			I/7.6	4
	Thứ năm 28/11	Sáng																			IV/1.2	4			I/7.6	4
		Chiều																	Họp xét ĐK thi		IV/1.3	4			I/7.6	4
	Thứ sáu 29/11	Sáng											Họp tổng kết lớp								IV/1.3	4	IV/2.8	4	Ôn I/7	4
		Chiều																	Ôn IV/1	4	IV/1.4	4	IV/2.9	4	Họp xét ĐK thi	
	Thứ bảy 30/11	Sáng																					IV/2.9	4		
		Chiều																					IV/2.10	4		
12	Chủ nhật 01/12	Sáng																					IV/2.10	4		
		Chiều																								

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																							
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
12	Thứ hai 02/12	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 03/12	Sáng																	V/1.1	4	IV/1.4	4			Thi I/7	4
		Chiều											Họp xét TN						V/1.1	4	IV/1.5	4			III/2.1	4
	Thứ tư 04/12	Sáng																	V/1.2	4	IV/1.5	4			III/2.1	4
		Chiều																	V/1.2	4	IV/1.6	4			III/2.1	4
	Thứ năm 05/12	Sáng																	V/1.3	4	IV/1.6	4			III/2.1	4
		Chiều																	V/1.3	4	IV/1.6	4			III/2.2	4
	Thứ sáu 06/12	Sáng																	V/1.4	4	IV/1.7	4	IV/2.11	4	III/2.2	4
		Chiều											Bế giảng						V/1.4	4	IV/1.7	4	IV/2.11	4	III/2.2	4
	Thứ bảy 07/12	Sáng																					Ôn IV/2	4		
		Chiều																								
	Chủ nhật 08/12	Sáng																					Họp xét ĐK thi			
		Chiều																								
	Thứ hai 09/12	Sáng																								
		Chiều													Khai mạc											
	Thứ ba 10/12	Sáng													Thi tốt nghiệp				V/1.5	4	IV/1.8	4			III/2.3	4
		Chiều													Thi tốt nghiệp				V/1.5	4	IV/1.8	4			III/2.3	4
	Thứ tư 11/12	Sáng													Thi tốt nghiệp				Ôn V/1	4	IV/1.9	4			III/2.3	4
		Chiều																	CNL họp lớp		IV/1.9	4			III/2.3	4
	Thứ năm 12/12	Sáng															Khai mạc		Họp xét ĐK thi		Ôn IV/1	4			III/2.4	4
		Chiều															Thi tốt nghiệp				CNL họp lớp				III/2.4	4
	Thứ sáu 13/12	Sáng															Thi tốt nghiệp						Thi IV/2	3	III/2.4	4
		Chiều															Thi tốt nghiệp								Ôn III/2	4
	Thứ bảy 14/12	Sáng																								
		Chiều															Chấm KLTN				Thi V/3	4				
	Chủ nhật 15/12	Sáng																								
		Chiều															Chấm thi TN									

Tháng	Ngày	Buổi	BỒI DƯỠNG		ĐÀO TẠO																					
					K1/2023 (Phong Thổ)		K2/2023 (Mường Tè)		K3/2023 (Tập trung)		K4/2023 (Nậm Nhùn)		K5/2023 (TP Lai Châu)		K6/2023 (TCT)		K1/2024 (Sìn Hồ)		K2/2024 (Than Uyên)		K3/2024 (Phong Thổ)		K4/2024 (Mường Tè)		K5/2024 (TCT)	
					(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ tập trung)		(Hệ không tập trung)		(Hệ tập trung)	
					KG: 28/3/2023		KG: 28/8/2023		KG: 12/9/2023		KG: 25/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 27/10/2023		KG: 19/3/2024		KG: 07/5/2024		KG: 21/5/2024		KG:04/6/2024		KG: 10/9/2024	
					(50 HV)		(50 HV)		(48 HV)		(36 HV)		(35 HV)		(41 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 50 HV)		(Dự kiến 80 HV)		(Dự kiến 50 HV)	
12	Thứ hai 16/12	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 17/12	Sáng													Chấm KLTN		Họp tổng kết lớp		Thi V/3	4					Họp xét ĐK thi	
		Chiều																							Thi III/2	4
	Thứ tư 18/12	Sáng													Chấm thi TN		Họp xét TN								V/1.1	4
		Chiều																							V/1.1	4
	Thứ năm 19/12	Sáng																							V/1.2	4
		Chiều													Họp tổng kết lớp										V/1.2	4
	Thứ sáu 20/12	Sáng															Bế giảng								V/1.3	4
		Chiều													Họp xét TN										V/1.3	4
	Thứ bảy 21/12	Sáng																								
		Chiều																								
	Chủ nhật 22/12	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ hai 23/12	Sáng																								
		Chiều																								
	Thứ ba 24/12	Sáng																							V/1.4	4
		Chiều																							V/1.4	4
	Thứ tư 25/12	Sáng																							V/1.5	4
		Chiều																							V/1.5	4
	Thứ năm 26/12	Sáng																							Ôn V/1	4
		Chiều																							CNL họp lớp	
	Thứ sáu 27/12	Sáng																							Họp xét ĐK thi	
		Chiều													Bế giảng										Thi V/1	4
	Từ ngày 28/12/2024 đến ngày 31/12/2024		Các lớp học nghỉ																							

Trong quá trình thực hiện, kế hoạch có thể điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Ghi chú:

(1) Các ngày thứ Hai trong năm các lớp học nghỉ.

(2) Biểu màu sắc phân biệt tên học phần của các khoa chủ trì thực hiện và các hoạt động khác:

KÝ HIỆU/MÀU	NỘI DUNG	SỐ TIẾT	CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
	Hoạt động khai giảng, bế giảng	4	- Lãnh đạo nhà trường - Phòng QLĐT&NCKH
I.1,2	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	88	Khoa Lý luận cơ sở
I.3,4	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	72	Khoa Lý luận cơ sở
I.5,6	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học; Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	72	Khoa Lý luận cơ sở
I.7	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	64	Khoa Lý luận cơ sở
II.1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	56	Khoa Xây dựng Đảng
II.2	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	116	Khoa Xây dựng Đảng
III.1	Xây dựng Đảng	80	Khoa Xây dựng Đảng
III.2	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	64	Khoa Nhà nước và pháp luật
III.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	56	Khoa Xây dựng Đảng
IV.1	Quản lý hành chính nhà nước	84	Khoa Nhà nước và pháp luật
IV.2	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	100	Khoa Nhà nước và pháp luật
V.1	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	48	Khoa Lý luận cơ sở
V.3	Kiến thức bổ trợ	48	Khoa Nhà nước và pháp luật
NCTT	Nghiên cứu thực tế	48	Chủ nhiệm lớp
	Họp xét điều kiện thi, họp lớp, chấm thi, chấm khóa luận		
	Thi hết học phần, tốt nghiệp, nộp bài NCTT		
	Các ngày thứ bảy, chủ nhật trong tuần		